

Bản án số: **281/2024/HS-ST**
Ngày: 29-10-2024.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thùy Dung
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Đài
Ông Đặng Quang Hoạch

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Đoàn Bích Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Đạo - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 277/2024/TLST-HS ngày 14 tháng 10 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 271/2024/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 10 năm 2024, đối với các bị cáo:

1/ Vũ Minh N, sinh ngày 15/6/1992 tại tỉnh Hậu Giang.

HKTT: ấp 4, xã Lộ 25, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở: ấp Quảng Lộc, xã Quảng Tiến, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Không Trình độ học vấn: 7/12

Dân tộc: Kinh Giới tính : Nam

Tôn giáo : Công giáo Quốc tịch : Việt Nam

Con ông Vũ Văn T và bà Vũ Thị N1.

Gia đình có 08 anh em, bị cáo là con thứ bảy.

Vợ là Nguyễn Thị Tiểu L, sinh năm 1995; có 03 con (con lớn nhất sinh năm 2014, con nhỏ nhất sinh năm 2019).

Tiền án, tiền sự: Không

Bị giam giữ từ ngày 20/6/2024. (Có mặt)

2/ Vũ Minh T1, sinh ngày 04/5/1994 tại tỉnh Đồng Nai.

HKTT và chỗ ở: ấp D, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Không Trình độ học vấn: 4/12

Dân tộc: Kinh Giới tính : Nam

Tôn giáo : Công giáo Quốc tịch : Việt Nam

Con ông Vũ Văn T và bà Vũ Thị N1.

Gia đình có 08 anh em, bị cáo là con thứ tám.

Vợ, con: Chưa có

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày 13/6/2019, bị Toà án nhân dân huyện Cần Giò, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo bản án số 13/2019/HS-ST ngày 13/6/2019. Chấp hành xong hình phạt 08/01/2020 tại Trại giam T4, tỉnh Long An và đóng án phí hình sự sơ thẩm ngày 02/10/2019.

Hiện tại bị cáo đang bị giam giữ trong vụ án khác, theo Lệnh tạm giam về tội “Cướp giật tài sản” và “Trộm cắp tài sản” của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

* Bị hại:

1/ Bà Nguyễn Thị Luận, sinh năm 1987; Địa chỉ: ấp B, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

2/ Ông Cao Duy H, sinh năm 1989; Địa chỉ: ấp B, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

3/ Anh Trần Hồng Q, sinh năm 1994; Địa chỉ: 1, đường N, tổ F, khu phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

4/ Bà Đỗ Thị L1, sinh năm 1958; Địa chỉ: tổ F, khu phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

5/ Bà Trần Thị T2, sinh năm 1971; Địa chỉ: A N, tổ E, khu phố E, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Chị Nguyễn Thị Tiểu L, sinh năm 1995; Địa chỉ: ấp Q, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

2/ Ông Lương Cao T3, sinh năm 1989; Địa chỉ: 1, tổ A, khu phố B, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà L có mặt; Các đương sự khác đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ ngày 12/02/2024 đến ngày 20/6/2024, trên địa bàn thị trấn T và xã A, các bị cáo Vũ Minh N và Vũ Minh T1 đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 03 giờ ngày 12/02/2024, Vũ Minh N đi bộ đến khu vực thị trấn T tìm kiếm tài sản để trộm cắp. Khi đi đến nhà của anh Trần Hồng Q thì N leo từ hàng rào phía bên hông sau vào nhà. Sau đó đi vào phòng ngủ trộm cắp 01 điện thoại di động Iphone 13 Promax, 01 máy tính xách tay hiệu Lenovo và 01 đồng hồ đeo tay hiệu Orient GW01-A0-A CA của anh Q; 01 điện thoại di động hiệu OPPO và 01 điện thoại di động hiệu Vivo của bà Đỗ Thị L1 (mẹ ruột Q). Sau khi trộm cắp được tài sản N đem về cất giấu ở bụi tre gần nhà. Đến khoảng 07 giờ cùng ngày, N lấy 01 điện thoại di động hiệu OPPO và 01 điện thoại di động hiệu Vivo đem đi bán được 600.000 đồng. Đến khoảng 10 giờ ngày 13/02/2024, N điều khiển xe mô tô hiệu Vision, biển số 67K1-534.71 đưa điện thoại di động Iphone 13 Promax đến bán cho ông Lương Cao T3 với giá 5.000.000 đồng. Sau khi biết Nhất là người trộm cắp tài sản anh Q đã trình báo Công an và nhắc cho bà Nguyễn Thị Tiêu L (là vợ của N) biết. Lúc này, N đi lấy 01 máy tính xách tay và 01 đồng hồ đeo tay đưa cho L đi trả lại, rồi bỏ trốn.

Vụ thứ hai: Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 24/04/2024, tại phòng trọ của T1 thuộc ấp L, xã T, huyện T, T1 rủ N đi trộm cắp tài sản thì N đồng ý. Nhất điều khiển xe mô tô hiệu Satria, màu đỏ đen, không rõ biển số chở T1 đi đến khu vực thị trấn T. Khi đến 01 tiệm tạp hóa của bà Trần Thị T2 thì T1 đi vào tiệm tạp hóa, N đứng ngoài cảnh giới. Tại đây, T1 giả vờ hỏi mua hàng, khi bà T2 đi lấy hàng thì T1 lấy trộm điện thoại Iphone 15 Promax bỏ vào túi quần rồi đi ra xe để N chạy về xã T. Đến sáng ngày 25/4/2024, T1 bán điện thoại trên mạng xã hội với giá 5.000.000 đồng và chia lại cho N 2.500.000 đồng, cả hai tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ ba: Khoảng 01 giờ ngày 20/6/2024, Vũ Minh N điều khiển xe đạp điện hiệu ASANA đến địa bàn huyện T để tìm kiếm tài sản trộm cắp. Khi đi đến nhà của bà Nguyễn Thị L2 thì N để xe đạp điện ở bãi đất trống rồi leo qua hàng rào bên hông vào nhà lấy trộm xe mô tô hiệu Honda-Wave, biển số 60L7-0344; 01 điện thoại di động hiệu Samsung A52; 01 điện thoại di động hiệu S; 01 điện thoại di động hiệu S; 01 điện thoại di động hiệu Poco; 01 máy tính bảng Ipad. Sau khi trộm cắp được số tài sản trên, N điều khiển xe mô tô biển số 60L7-0344 về hướng D, huyện T. Khi đi đến đoạn đường thuộc ấp H, xã Đ, huyện T, N dừng lại ghé vào quán để ăn sáng thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 27/KL-HĐĐGTS ngày 13/5/2024 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự, định giá tài sản trộm cắp vào ngày 12/02/2024 gồm: 01 điện thoại di động Iphone 13 Promax, 01 máy tính xách tay hiệu Lenovo số seri: LT-17 và 01 đồng hồ đeo tay hiệu Orient GW01-A0-A CA, 01 điện thoại di động hiệu OPPO; 01 điện thoại di động hiệu Vivo. Tổng trị giá tài sản là 26.000.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 64/KL-HĐĐGTS ngày 01/7/2024 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự, định giá tài sản bị trộm cắp vào ngày 20/6/2024 gồm: 01 điện thoại di động hiệu S A52, 01 điện thoại di động hiệu Samsung A72, 01 điện thoại di động hiệu Samsung S23 Ultra, 01 điện thoại di động hiệu Poco và 01 máy tính bảng Ipad, xe mô tô biển số 60L7-0344. Tổng trị giá tài sản là 38.000.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 95/KL-HĐĐGTS ngày 30/8/2024 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự, định giá tài sản bị trộm cắp ngày 24/4/2024 gồm: 01 điện thoại di động Iphone 15 Promax. Trị giá tài sản là 19.000.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an huyện T đã ra Quyết định khởi tố vụ án, Quyết định khởi tố bị can đối với Vũ Minh N và Vũ Minh T1 về tội “Trộm cắp tài sản”. Quá trình điều tra, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số 282/CT-VKS-TB ngày 14/10/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom để xét xử đối với các bị cáo Vũ Minh N và Vũ Minh T1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Trảng Bom giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ Minh N mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù; Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ Minh T1 mức án từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng:

- Đối với xe mô tô hiệu Honda-Wave, biển số 60L7-0344; 01 điện thoại di động hiệu Samsung A52; 01 điện thoại di động hiệu S; 01 điện thoại di động hiệu S; 01 điện thoại di động hiệu Poco; 01 máy tính bảng Ipad là tài sản hợp pháp của bà Nguyễn Thị L2 và ông Cao Duy H, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho ông H và bà L2.

- Đối với 01 điện thoại di động Iphone 13 Promax; 01 máy tính xách tay hiệu Lenovo và 01 đồng hồ đeo tay hiệu Orient GW01-A0-A CA là tài sản hợp pháp của ông Trần Hồng Q, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra trả lại cho ông Q.

- Đối với số tiền 5.000.000 đồng bị cáo N bán điện thoại Iphone 13 Promax cho ông Lương Cao T3, khi mua điện thoại ông T3 không biết là tài sản trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại số tiền trên cho ông T3.

- Đối với số tiền 4.000.000 đồng, bị cáo N bồi thường về việc đã bán 01 điện thoại di động hiệu OPPO và 01 điện thoại di động hiệu Vivo của bà Đỗ Thị L1, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho bà L1.

- Đối với xe đạp điện hiệu ASANA và xe mô tô hiệu Vision, biển số: 67K1-534.71 là tài sản hợp pháp của bà Nguyễn Thị Tiểu L. Bà L không biết N sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho bà L.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu OPPO và 01 điện thoại di động hiệu Vivo, bị cáo N đã bán cho tiệm điện thoại không rõ tên và địa chỉ cụ thể nên không thu hồi được.

- Đối với xe mô tô Satria, màu đỏ đen, không rõ biển số, sau khi sử dụng đi trộm cắp tài sản thì bị cáo N đã bán cho tiệm mua bán xe ở khu vực thành phố T, không rõ tên và địa chỉ cụ thể nên không thu hồi được.

- Đối với 01 điện thoại di động Iphone 15 Promax, bị cáo N đã bán cho 01 nam thanh niên (không rõ nhân thân, lai lịch) qua mạng xã hội Facebook nên không thu hồi được.

- Đối với 01 USB nhãn hiệu HIGH; 01 USB hiệu Kingston chuyển theo hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Trần Hồng Q, bà Đỗ Thị L1, ông Lương Cao T3 và bà Nguyễn Thị L2 đã nhận tiền bồi thường và tài sản bị trộm cắp, cam kết không khiếu nại gì khác về dân sự; Bà Trần Thị T2 yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 19.000.000 đồng.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện. Hành vi, quyết định tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đảm bảo đúng pháp luật.

[2] Các bị cáo Vũ Minh N, Vũ Minh T1 là anh em ruột và đều là những đối tượng không có việc làm ổn định. Để có tiền tiêu xài cá nhân, các bị cáo đã lợi dụng vào hoàn cảnh ban đêm hay sơ hở trong lúc bán hàng để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn xã A, thị trấn T, huyện T trong khoảng thời gian từ ngày 12/02/2024 đến ngày 20/6/2024, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 03 giờ ngày 12/02/2024, tại nhà bà Đỗ Thị L1 và anh Trần Hồng Q ở thị trấn T, huyện T, bị cáo N đã leo từ hàng rào phía bên hông sau vào nhà trộm cắp 01 điện thoại di động Iphone 13 Promax, 01 máy tính xách tay hiệu Lenovo và 01 đồng hồ đeo tay hiệu Orient GW01-A0-A CA của ông Q; 01 điện thoại di động hiệu OPPO và 01 điện thoại di động hiệu Vivo của bà Đỗ Thị L1 (mẹ ruột Q). Tổng trị giá tài sản là 26.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 20 giờ 00 phút ngày 24/04/2024, bị cáo T1 đã rủ bị cáo N đi trộm cắp tài sản tại tiệm tạp hóa của bà Trần Thị T2 ở khu phố E, thị trấn T, huyện T. Bị cáo T1 đã lợi dụng lúc bà T2 đi lấy hàng bán thì lén lút lấy trộm điện thoại Iphone 15 Promax bỏ vào túi quần, bị cáo N thì điều khiển xe đứng ngoài cảnh giới. Điện thoại nêu trên có trị giá là 19.000.000 đồng.

Vụ thứ ba: Vào khoảng 01 giờ ngày 20/6/2024, tại nhà bà Nguyễn Thị L2 và ông Cao Duy H ở ấp B, xã A, huyện T, bị cáo N đã leo qua hàng rào bên hông vào nhà lấy trộm xe mô tô hiệu Honda-Wave, biển số 60L7-0344; 01 điện thoại di động hiệu Samsung A52; 01 điện thoại di động hiệu S; 01 điện thoại di động hiệu S; 01 điện thoại di động hiệu Poco; 01 máy tính bảng Ipad. Tổng trị giá tài sản là 38.000.000 đồng.

Do đó, tổng trị giá tài sản mà bị cáo Vũ Minh N đã thực hiện trong 03 lần trộm cắp là 83.000.000 đồng và trị giá tài sản mà bị cáo Vũ Minh T1 tham gia thực hiện trong 01 lần trộm cắp là 19.000.000 đồng. Nên các bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội danh và hình phạt đối với bị cáo N được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173; đối với bị cáo T1 được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác trái pháp luật, gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương. Để có tiền tiêu xài cá nhân, các bị cáo đã bất chấp các quy định của pháp luật, quy tắc đạo đức xã hội, cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo N tuy biết hành vi phạm tội ngày 12/02/2024 đã bị phát hiện nhưng vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội vào ngày 24/4/2024 và ngày 20/6/2024; bị cáo T1 đã từng bị xét xử về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo bản án số 13/2019/HS-ST ngày 13/6/2019 của TAND huyện Cần Giờ, thành phố Hồ Chí Minh và đang bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất truy tố về tội “Cướp giật tài sản” và “Trộm cắp tài sản”. Những điều này thể hiện, các bị cáo đều là những đối tượng có thái độ sống coi thường pháp luật và khó cải tạo, giáo dục. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy cần phải có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo để nhằm răn đe, cải tạo và giáo dục các bị cáo trở thành công dân sống biết tuân thủ pháp luật.

[4] Xét về vai trò, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Ngày 24/4/2024, các bị cáo cùng thực hiện một hành vi phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm nhưng ở mức độ giản đơn. Bị cáo T1 là người khởi xướng, rủ rê, lôi kéo, trực tiếp vào tiệm tạp hoá lấy tài sản, tìm nơi tiêu thụ tài sản và chia tiền bán điện thoại. Bị cáo Nhất là đồng phạm có vai trò giúp sức, đứng ngoài cảnh giới và được chia tiền bán điện thoại. Ngoài ra, bị cáo N còn thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại nhà bà Đỗ Thị L1, anh Trần Hồng Q và nhà bà Nguyễn Thị L2. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét quyết định hình phạt đối với bị cáo N phải cao hơn bị cáo T1 vì vừa tham gia thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm và vai trò độc lập thuộc trường hợp “phạm tội 02 lần trở lên”.

[4.2] Đối với bị cáo N 03 lần thực hiện hành vi phạm tội nên áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo T1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các bị cáo đều đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo N đã tác động gia đình bồi thường số tiền 5.000.000đ cho ông Lương Cao T3 và 4.000.000đ cho bà Đỗ Thị L1 nên áp dụng tình tiết tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt. Đối với bị cáo T1 đã từng bị xét xử về hành vi phạm tội và đang bị Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai truy tố về tội “Cướp giật tài sản” và tội “Trộm cắp tài sản” nên không được coi là phạm tội lần đầu. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Về xử lý vật chứng:

[5.1] Đối với xe mô tô hiệu Honda-Wave, biển số 60L7-0344; 01 điện thoại di động hiệu Samsung A52; 01 điện thoại di động hiệu S; 01 điện thoại di động hiệu S; 01 điện thoại di động hiệu Poco; 01 máy tính bảng Ipad là tài sản hợp pháp của bà Nguyễn Thị L2 và ông Cao Duy H. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho các chủ sở hữu là đúng quy định pháp luật (BL 240, 241).

[5.2] Đối với 01 điện thoại di động Iphone 13 Promax; 01 máy tính xách tay hiệu Lenovo và 01 đồng hồ đeo tay hiệu Orient GW01-A0-A CA là tài sản hợp pháp của ông Trần Hồng Q. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp (BL 242).

[5.3] Đối với số tiền 5.000.000 đồng do bị cáo N bán điện thoại Iphone 13 Promax cho ông Lương Cao T3, khi mua điện thoại ông T3 không biết là tài sản trộm cắp và số tiền 4.000.000 đồng, bị cáo N bồi thường về việc đã bán 01 điện thoại di động hiệu OPPO, 01 điện thoại di động hiệu Vivo của bà Đỗ Thị L1. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại số tiền cho ông T3 (BL 245) và trả lại số tiền cho bà L1 (BL 243).

[5.4] Đối với xe đạp điện hiệu ASANA và xe mô tô hiệu Vision, biển số 67K1-534.71 là tài sản hợp pháp của bà Nguyễn Thị Tiểu L. Bà L không biết N sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại xe đạp điện cho chủ sở hữu và không tịch thu xe mô tô là đúng quy định.

[5.5] Đối với 01 điện thoại di động hiệu OPPO và 01 điện thoại di động hiệu Vivo, bị cáo N đã bán cho tiệm điện thoại không rõ tên và địa chỉ; xe mô tô Satria, màu đỏ đen, không rõ biển số, sau khi sử dụng đi trộm cắp tài sản thì bị cáo đã bán cho tiệm mua bán xe ở khu vực thành phố T, không rõ tên, địa chỉ; Và 01 điện thoại di động Iphone 15 Promax, bị cáo T1 đã bán cho 01 nam thanh niên (không rõ nhân thân, lai lịch) qua mạng xã hội Facebook, đều không thu hồi được nên không xem xét xử lý.

[5.6] Đối với 01 USB nhãn hiệu HIGH; 01 USB hiệu Kingston có liên quan đến việc chứng minh tội phạm nên lưu kèm theo hồ sơ vụ án.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Anh Trần Hồng Q, bà Đỗ Thị L1 và ông Lương Cao T3, bà Nguyễn Thị L2 đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và tiền bồi thường nên không yêu cầu các bị cáo có trách nhiệm về dân sự; Bà Trần Thị T2 yêu cầu các bị cáo N và T1 bồi thường số tiền 19.000.000 đồng thì các bị cáo đồng ý có nghĩa vụ liên đới bồi thường nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về các vấn đề khác: Đối với ông Lương Cao T3 khi mua điện thoại không biết là tài sản do phạm tội mà có và bà Nguyễn Thị Tiểu L do không biết bị cáo N sử dụng xe để đi trộm cắp tài sản nên không xử lý là đúng quy định.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[9] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom về tội danh, hình phạt, trách nhiệm dân sự và án phí phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Vũ Minh N và Vũ Minh T1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Vũ Minh N 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/6/2024.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Vũ Minh T1 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt của bản án này.

- Căn cứ các Điều 584, 587, 589 Bộ luật dân sự;

Buộc các bị cáo Vũ Minh N và Vũ Minh T1 có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho bà Trần Thị T2 số tiền 19.000.000 đồng (Mười chín triệu đồng). (phần nghĩa vụ liên đới của hai bị cáo là bằng nhau)

Kể từ ngày bà T2 có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền nêu trên, nếu các bị cáo N và T1 chậm thi hành án thì còn phải chịu lãi của số tiền chậm thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Buộc các bị cáo Vũ Minh N và Vũ Minh T1, mỗi bị cáo phải nộp số tiền

200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và số tiền 475.000đ (Bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho các bị cáo và bà Nguyễn Thị Tiểu L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cũng bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bị cáo; đương sự;
- VKSND h.Trảng Bom;
- VKSND t. Đồng Nai;
- Công an h.Trảng Bom;
- Nhà tạm giữ - CA h. Trảng Bom;
- Trại giam B5 – CA t.Đồng Nai;
- CC.THADS h.Trảng Bom;
- UBND xã (phường) nơi các b/c cư trú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thùy Dung